

Tăng tỷ trọng

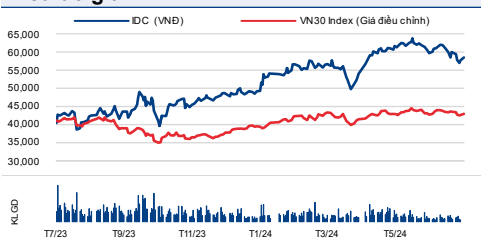
Giá mục tiêu: VNĐ70,800

Tiềm năng tăng/giảm: 21.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2024)	58,500
Mã Bloomberg	IDC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	38,638-63,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	57,733
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	19,305
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	763
Slg CP lưu hành (tr.đv)	330
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	162
Slg CP NN được mua (tr.đv)	75.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.9%
Tỷ lệ freefloat	60.1%
Cổ đông lớn	Ủy ban Tập đoàn SSG (22.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	7,237	8,052	8,799
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,916	4,295	4,727
LNTT (tỷ đồng)	2,056	2,626	2,686
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,391	1,848	1,879
FCF (tỷ đồng)	1,626	1,322	1,206
EPS ĐC (đồng)	4,217	5,599	5,695
DPS (đồng)	4,644	4,000	4,000
BVPS (đồng)	15,067	16,666	18,361
T.trưởng EBITDA (%)	(25.0)	47.3	10.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	(24.7)	32.6	1.71
Tăng trưởng DPS (%)	55.4	(13.9)	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	40.3	53.3	53.7
Tỷ suất LNTT (%)	28.4	32.6	30.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	19.2	22.9	21.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	110	71.4	70.2
Nợ thuần/VCSH (%)	53.2	49.8	49.0
ROAE (%)	28.1	35.3	32.5
ROACE (%)	14.5	19.3	18.6
EV/doanh thu (lần)	2.84	2.56	2.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.06	4.79	4.38
P/E ĐC (lần)	13.9	10.4	10.3
P/B (lần)	3.88	3.51	3.19
Lợi suất cổ tức (%)	7.94	6.84	6.84

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

IDC là một trong những doanh nghiệp phát triển KCN hàng đầu tại Việt Nam với hơn 4.000ha diện tích đất KCN. Ngoài ra, IDC cũng kinh doanh trong lĩnh vực BDS dân dụng, hạ tầng BOT và điện năng.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung
Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
trung.ph@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA
Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q2/2024: KQKD vững chắc; lợi nhuận cao + vị thế tiền mặt ổn định

- IDC công bố KQKD Q2/2024 cao hơn dự báo của HSC, với lợi nhuận thuần đạt 433 tỷ đồng, giảm 18,9% so với cùng kỳ, trên doanh thu 2,1 nghìn tỷ đồng, giảm 10,8% so với cùng kỳ. Lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2024 bằng 61% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.
- Đáng lưu ý, mặc dù sau khi chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ rất cao trong Q2/2024 (887 tỷ đồng), IDC vẫn ghi nhận số dư tiền mặt thuần lần đầu tiên trong 5 năm qua với 214 tỷ đồng (so với dư nợ thuần 388 tỷ đồng cuối năm 2023) nhờ dòng tiền hoạt động mạnh.
- Chúng tôi đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị. Với dự báo lợi nhuận hiện tại của chúng tôi, IDC đang giao dịch với mức chiết khấu 17,4% so với RNAV, lớn hơn bình quân 6,5 tháng ở mức 13,7%.

Sự kiện: Công bố lợi nhuận Q2/2024

IDC công bố KQKD Q2/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 433 tỷ đồng, giảm 18,9% so với cùng kỳ, trên doanh thu 2,1 nghìn tỷ đồng, giảm 10,8% so với cùng kỳ. KQKD trên cao hơn dự báo của chúng tôi, chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng BĐS KCN và BĐS vượt nhẹ dự báo, mặc dù lợi nhuận mảng dịch vụ giảm từ mức nền cao trong năm 2023.

Doanh thu BĐS KCN, BĐS, dịch vụ vững chắc; doanh thu mảng năng lượng tăng trưởng nhưng biên LN gộp thấp

Doanh thu mảng BĐS KCN đạt 819 tỷ đồng, giảm 38,3% so với cùng kỳ dựa trên mức nền cao, nhưng vẫn là động lực tăng trưởng lợi nhuận chính với mức đóng góp 66% tổng lợi nhuận gộp Q2/2024. Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh này được ghi nhận ở mức khá cao 65%, cao hơn mức 53,1% trong Q2/2023, 63,8% trong Q1/2024, và mức 59,9% HSC dự báo cho cả năm 2024. Chúng tôi tin rằng IDC tiếp tục bàn giao thêm đất tại KCN Phú Mỹ II, Phú Mỹ II mở rộng (Bà Rịa - Vũng Tàu) và KCN Hựu Thạnh (Long An) do những dự án này có chi phí đầu tư thấp và đạt tỷ suất lợi nhuận gộp cao ở mức trên 60%. Tiến độ bàn giao đất sát với dự báo của chúng tôi trong khi tỷ suất lợi nhuận cao hơn dự báo.

Doanh thu mảng năng lượng tăng 11,8% so với cùng kỳ và 13,4% so với quý trước đạt 780 tỷ đồng, sát với dự báo. Tỷ suất lợi nhuận gộp tiếp tục duy trì ở mức thấp 4,7% như đã ghi nhận trong Q1/2024 và thấp hơn mức 7,2% trong Q2/2023. Nguyên nhân chính dẫn đến tỷ suất lợi nhuận giảm là do công suất hoạt động của hai nhà máy thủy điện (Đak Mi 3 và Srok Phu Miêng vốn có tỷ suất lợi nhuận 50%) giảm do hiện tượng thời tiết El Nino. Tuy nhiên, HSC kỳ vọng hai dự án này sẽ vận hành với công suất hoạt động cao hơn trong nửa cuối năm 2024 khi hiện tượng thời tiết El Nino chuyển dịch sang La Nina vào nửa cuối năm 2024. (Ông Hoàng Đức Cường, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn, cho biết).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, IDC

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% so với cùng kỳ	6T2023	6T2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	2,408	2,149	-10.8%	3,554	4,616	29.9%
Lợi nhuận gộp	892	810	-9.2%	1,196	1,908	59.5%
Lợi nhuận HĐ tài chính	26	4	-83.2%	(2)	1	-129.4%
Chi phí BH&QL	(95)	(91)	-4.3%	(162)	(184)	13.4%
Lợi nhuận thuần	534	433	-18.9%	681	1,128	65.5%

Nguồn: IDC, HSC

Doanh thu các mảng kinh doanh khác (kinh doanh BĐS, BOT, dịch vụ, xây dựng) đạt 549 tỷ đồng, tăng 43,7% so với cùng kỳ và tăng 16,6% so với quý trước. Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 của các mảng này đạt 43,8%, cao hơn mức 35,7% trong Q2/2023. HĐKD của tất cả các mảng đều ổn định với mức tăng trưởng tốt (5-259%) và tỷ suất lợi nhuận cao (6-112%).

Nhìn chung, doanh thu và LNTT nửa đầu năm 2024 đạt lần lượt 57% và 66% dự báo cho năm 2024 của chúng tôi. Kết quả trên cũng hoàn thành lần lượt 55% và 69% KHKD BLĐ đề ra cho năm 2024.

Các vấn đề khác: Chi phí bán hàng & quản lý ổn định ở mức 91 tỷ đồng, giảm 4,3% so với cùng kỳ. Trong khi đó, lợi nhuận HĐ tài chính giảm 83% so với cùng kỳ xuống 4 tỷ đồng, chủ yếu do môi trường lãi suất tiền gửi giảm trong Q2/2024, sát với dự báo của chúng tôi.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tăng đáng kể

Trong Q2/2024, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tăng 125% so với quý trước (624 tỷ đồng) lên 1.122 tỷ đồng, chủ yếu nhờ KCN Phú Mỹ II (Vũng Tàu) và KCN Hựu Thạnh (Long An). Chúng tôi hiểu rằng IDC đã ký hợp đồng và bàn giao đất tại hai dự án này trong quý vừa qua nhưng chậm ghi nhận lợi nhuận do chưa đáp ứng đủ một số điều kiện cần thiết để ghi nhận doanh thu và lợi nhuận một lần theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chúng tôi đang tìm hiểu thêm về vấn đề này. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn này sẽ sớm được chuyển đổi thành doanh thu và thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận.

Vị thế tiền mặt ổn định bất chấp việc chi trả cổ tức bằng tiền cao trong Q2/2024

Trong Q2/2024, tổng dư nợ được ghi nhận ở mức 3,1 nghìn tỷ đồng, tương đương với thời điểm cuối Q1/2024 nhưng giảm 13,3% so với đầu năm 2024 (từ mức 3,5 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2023). Đáng chú ý, mặc dù đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt rất cao trong Q2/2024 ở mức 887 tỷ đồng và nửa đầu năm 2024 là 1.425 tỷ đồng (cao hơn 731 tỷ đồng trong Q2/2023 và 735 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023), IDC vẫn ghi nhận số dư tiền mặt thuần lần đầu tiên trong 5 năm qua với 214 tỷ đồng (so với dư nợ thuần 388 tỷ đồng cuối năm 2023 và 129 tỷ đồng dư nợ vào cuối Q1/2024).

Đây là nguyên nhân giúp IDC ghi nhận dòng tiền mạnh trong Q2/2024 ở mức 1,3 nghìn tỷ đồng, cao hơn mức 879 tỷ đồng trong Q2/2023 và 951 tỷ đồng trong Q1/2024. Theo quan điểm của chúng tôi, đây là tín hiệu rất tích cực.

Xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị

Chúng tôi đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị đối với IDC. Với dự báo lợi nhuận hiện tại của chúng tôi, IDC đang giao dịch với mức chiết khấu 17,4% so với RNAV, lớn hơn bình quân 6,5 tháng ở mức 13,7%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	7,485	7,237	8,052	8,799	9,713
Lợi nhuận gộp	3,060	2,422	3,117	3,214	3,564
Chi phí BH&QL	(334)	(362)	(406)	(438)	(502)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	0	0	0	0	0
EBIT	2,726	2,060	2,711	2,776	3,062
Lãi vay thuần	(56.6)	29.2	(85.0)	(89.6)	(56.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(123)	1.50	0	0	0
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN không thường xuyên	71.7	(34.7)	0	0	0
LNTT	2,618	2,056	2,626	2,686	3,006
Chi phí thuế TNDN	(563)	(401)	(525)	(537)	(601)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(287)	(262)	(253)	(269)	(217)
LNST không thường xuyên	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	1,768	1,393	1,848	1,879	2,187
Lợi nhuận thuần ĐC	1,891	1,391	1,848	1,879	2,187
EBITDA ĐC	3,888	2,916	4,295	4,727	4,843
EPS (đồng)	5,605	4,221	5,599	5,695	6,628
EPS ĐC (đồng)	5,996	4,217	5,599	5,695	6,628
DPS (đồng)	2,987	4,644	4,000	4,000	4,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	315	330	330	330	330
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	330	330	330	330	330
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	330	330	330	330	330

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,087	1,334	1,337	1,827	1,741
Đầu tư ngắn hạn	1,043	910	910	910	910
Phải thu khách hàng	878	2,401	1,949	1,986	2,087
Hàng tồn kho	1,095	1,299	1,759	2,251	2,358
Các tài sản ngắn hạn khác	65.6	88.6	88.6	88.6	88.6
Tổng tài sản ngắn hạn	4,168	6,032	6,043	7,062	7,184
TSCĐ hữu hình	3,369	3,107	2,889	2,663	2,430
TSCĐ vô hình	116	114	118	121	125
Bất động sản đầu tư	5,028	6,151	5,554	5,555	6,191
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	24.5	25.2	27.2	31.2	37.2
Tài sản dài hạn khác	4,308	2,303	3,710	4,403	4,706
Tổng tài sản dài hạn	12,846	11,700	12,297	12,774	13,489
Tổng cộng tài sản	17,013	17,732	18,340	19,836	20,673
Nợ ngắn hạn	748	938	1,338	1,438	1,938
Phả trả người bán	343	314	322	364	401
Nợ ngắn hạn khác	633	1,815	1,320	1,337	1,355
Tổng nợ ngắn hạn	2,322	3,999	4,026	4,321	5,033
Nợ dài hạn	2,720	2,585	2,188	2,696	1,871
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	42.2	44.7	44.7	44.7	44.7
Nợ dài hạn khác	5,802	4,900	5,097	4,961	4,826
Tổng nợ dài hạn	8,564	7,529	7,329	7,701	6,741
Tổng nợ phải trả	10,885	11,528	11,355	12,022	11,774
Vốn chủ sở hữu	4,946	4,972	5,500	6,059	6,926
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,182	1,232	1,485	1,755	1,972
Tổng vốn chủ sở hữu	6,128	6,204	6,985	7,814	8,898
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,013	17,732	18,340	19,836	20,673
BVPS (đ)	14,988	15,067	16,666	18,361	20,989
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,338	1,279	1,279	1,398	1,158

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	2,726	2,060	2,711	2,776	3,062
Khấu hao	(1,038)	(857)	(1,584)	(1,952)	(1,781)
Lãi vay thuần	(56.6)	29.2	(85.0)	(89.6)	(56.7)
Thuế TNDN đã nộp	(563)	(401)	(525)	(537)	(601)
Thay đổi vốn lưu động	(1,487)	555	(191)	(479)	(139)
Khác	407	(367)	(1.89)	(1.61)	(1.28)
LCT thuần từ HKKD	2,065	2,734	3,492	3,620	4,045
Đầu tư TS dài hạn	(1,497)	(1,108)	(2,170)	(2,414)	(2,479)
Góp vốn & đầu tư	(1,977)	(1,041)	0	0	0
Thanh lý	2,940	823	0	0	0
Khác	111	218	(2.00)	(4.00)	(6.00)
LCT thuần từ HĐĐT	(423)	(1,109)	(2,172)	(2,418)	(2,485)
Cổ tức trả cho CSH	(986)	(1,532)	(1,320)	(1,320)	(1,320)
Thu từ phát hành CP	0	0.06	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(64.6)	155	2.93	608	(325)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,050)	(1,378)	(1,317)	(712)	(1,645)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	495	1,087	1,334	1,337	1,827
LCT thuần trong kỳ	592	247	2.96	490	(85.3)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.23)	(0.52)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,087	1,334	1,337	1,827	1,741
Dòng tiền tự do	569	1,626	1,322	1,206	1,566

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	40.9	33.5	38.7	36.5	36.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	51.9	40.3	53.3	53.7	49.9
Tỷ suất LNT (%)	23.6	19.2	22.9	21.4	22.5
Thuế TNDN hiện hành (%)	21.5	19.5	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	74.0	(3.32)	11.3	9.28	10.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	315	(25.0)	47.3	10.1	2.45
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	260	(26.4)	32.8	1.71	16.4
Tăng trưởng EPS (%)	270	(24.7)	32.6	1.71	16.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	242	(29.7)	32.8	1.71	16.4
Tăng trưởng DPS (%)	23.7	55.4	(13.9)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	53.3	110	71.4	70.2	60.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	40.0	28.1	35.3	32.5	33.7
ROACE (%)	19.3	14.5	19.3	18.6	19.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.45	0.42	0.45	0.46	0.48
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.76	1.33	1.29	1.30	1.32
Số ngày tồn kho	90.3	98.5	130	147	140
Số ngày phải thu	72.4	182	144	130	124
Số ngày phải trả	28.2	23.8	23.8	23.8	23.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	51.1	53.2	49.8	49.0	41.3
Nợ/tài sản (%)	21.2	22.4	22.2	24.2	22.2
EBIT/lãi vay (lần)	48.1	N/a	31.9	31.0	54.0
Nợ/EBITDA (lần)	0.96	1.36	0.95	1.01	0.95
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.80	1.51	1.50	1.63	1.43
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.76	2.84	2.56	2.35	2.11
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.31	7.06	4.79	4.38	4.23
P/E (lần)	10.4	13.9	10.4	10.3	8.83
P/E ĐC (lần)	9.76	13.9	10.4	10.3	8.83
P/B (lần)	3.90	3.88	3.51	3.19	2.79
Lợi suất cổ tức (%)	5.11	7.94	6.84	6.84	6.84

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn